

Bản án số: **65/2021/HNGĐ- ST**

Ngày 27/8/2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thê
2. Ông Nguyễn Văn Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2021/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 29/7/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.
- *Bị đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1983.

Cùng trú tại: Thôn V, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/01/2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn V, xã S, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Việt Q, sinh ngày 07/12/2010 và cháu Trần Quang H, sinh ngày 05/10/2017. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Trần Văn C trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị T như chị T trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh C xác định vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn vào năm 2021. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi và không nhường nhịn nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Quan điểm của anh C là tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh C xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Việt Q, sinh ngày 07/12/2010 và cháu Trần Quang H, sinh ngày 05/10/2017. Trường hợp ly hôn anh nhất trí giao cháu H, cháu Q cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Anh C xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn C. Giao cháu Trần Việt Q, sinh ngày 07/12/2010 và cháu Trần Quang H, sinh ngày 05/10/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị T và anh C đều xác định tự thỏa thuận nên không xem xét. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn,

do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn V, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị T và anh C xác định: Chị T và anh C kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn V, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2021 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau. Bản thân chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh C cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị T có quan điểm muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị T, anh C cùng có quan điểm nhất trí thỏa thuận chị T được quyền nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Trần Việt Q, sinh ngày 07/12/2010 và cháu Trần Quang H, sinh ngày 05/10/2017. Chị T không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 81, 82, 83 - Luật HN&GD, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Trần Việt Q, sinh ngày 07/12/2010 và cháu Trần Quang H, sinh ngày 05/10/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị T và anh C đều xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn C không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn C.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung là cháu Trần Việt Q, sinh ngày 07/12/2010 và cháu Trần Quang H, sinh ngày 05/10/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003817 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Trần Văn C không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Về giao nuôi con chung khi ly hôn có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị T, anh C được quyền kháng cáo phần còn lại của bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

